|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_   Số: 1778**/**BGDĐT-GDĐH  V/v: Hướng dẫn công tác tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2020* |

Kính gửi:

- Các đại học, học viện, trường đại học;

- Các trường sĩ quan có đào tạo trình độ đại học;

- Các trường cao đẳng tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non;

- Các sở giáo dục và đào tạo; Sở Giáo dục - Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu.

 Ngày 7 tháng 5 năm 2020, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học (ĐH); tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (CĐGDMN) kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT (gọi chung là Quy chế tuyển sinh).

Để thống nhất triển khai thực hiện quy định của Quy chế tuyển sinh, Bộ GDĐT hướng dẫn các trường cao đẳng tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non, các đại học, học viện, các trường đại học, các trường sĩ quan có đào tạo trình độ đại học (gọi chung là trường), các sở giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục - Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu (gọi chung là sở GDĐT) một số nội dung trong triển khai công tác tuyển sinh ĐH, CĐGDMN như sau:

**I. Tổ chức tuyển sinh**

**1. Đối với các sở GDĐT:**

a) Sử dụng tài khoản và mật khẩu đã được cấp trong quá trình tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) để nhập dữ liệu phục vụ công tác tuyển sinh ĐH, CĐGDMN;

b) Tổ chức thực hiện rà soát, xác định khu vực ưu tiên cho các trường THPT và tương đương, xác định các xã khó khăn, xã đặc biệt khó khăn tại địa phương theo các quy định hiện hành;

c) Chỉ đạo các đơn vị thu nhận “Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào đại học; cao đẳng” (ĐKDT) và “Phiếu điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào đại học; cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” (ĐKXT) (gọi chung là điểm thu nhận hồ sơ); chuẩn bị đủ cơ sở vật chất, thiết bị và cử cán bộ có năng lực, nắm vững Quy chế thi tốt nghiệp THPT và Quy chế tuyển sinh để hướng dẫn, hỗ trợ thí sinh; nhập thông tin Phiếu ĐKXT Phụ lục 2 vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT; đảm bảo quy trình, thời hạn thực hiện công việc theo kế hoạch chung về tuyển sinh quy định tại Phụ lục 1;

d) Hướng dẫn thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu cá nhân đã được cấp để truy cập vào Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để kiểm tra thông tin cá nhân và thực hiện điều chỉnh ĐKXT trực tuyến;

đ) Hướng dẫn thí sinh có nhu cầu thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT. Mỗi thí sinh chỉ được điều chỉnh ĐKXT 01 lần trong thời gian quy định và chỉ được sử dụng một trong hai phương thức: trực tuyến hoặc bằng Phiếu ĐKXT. Các thí sinh phúc khảo các bài thi/môn thi sẽ điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT sau khi có kết quả phúc khảo thi tốt nghiệp THPT.

- Điều chỉnh bằng phương thức trực tuyến: Thí sinh sử dụng tài khoản và mật khẩu cá nhân đã được cấp để thực hiện việc điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT. Lưu ý thí sinh: Phương thức này chỉ chấp nhận khi số lượng nguyện vọng sau khi điều chỉnh không lớn hơn số lượng nguyện vọng đã đăng ký ban đầu trong Phiếu ĐKDT;

- Điều chỉnh bằng Phiếu ĐKXT: Thí sinh được điều chỉnh tăng thêm số lượng nguyện vọng so với số lượng nguyện vọng đã đăng ký ban đầu trong Phiếu ĐKDT và phải nộp bổ sung lệ phí cho số nguyện vọng tăng thêm theo quy định. Thí sinh phải điền đầy đủ thông tin vào Phiếu ĐKXT và gửi trực tiếp về điểm thu nhận hồ sơ để cán bộ máy tính cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT. Lưu ý thí sinh ghi đúng mã trường, mã ngành/nhóm ngành, mã tổ hợp xét tuyển theo quy định của trường. Nguyện vọng nào ghi không đúng sẽ không được hệ thống phần mềm chấp nhận và bị loại. Điểm thu nhận hồ sơ phải yêu cầu thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT trong thời gian quy định và đề nghị điều chỉnh sai sót nếu có.

Cập nhật Phiếu ĐKXT của thí sinh và chịu trách nhiệm về thông tin đã cập nhật vào Hệ thống Trang Nghiệp vụ thi và tuyển sinh của Bộ GDĐT; trong trường hợp nhập sai thông tin so với Phiếu ĐKXT của thí sinh thì phải chủ động liên hệ với thí sinh để điều chỉnh hoặc điều chỉnh lại khi thí sinh đề nghị và lưu bản đề nghị điều chỉnh sai sót của thí sinh;

e) Chỉ đạo các trường THPT mở các phòng máy tính có nối mạng internet để thí sinh sử dụng thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT trực tuyến.

**2. Đối với các trường đại học; cao đẳng có tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non**

a) Mỗi trường được gán 01 mã số và cấp một tài khoản (tên truy cập và mật khẩu) để sử dụng trong công tác tuyển sinh ĐH, CĐGDMN;

b) Thực hiện lịch tuyển sinh quy định tại Phụ lục 1 của Hướng dẫn này, nếu có sự thay đổi Bộ GDĐT sẽ thông báo lại tại Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT (địa chỉ http://thituyensinh.vn), và gửi trực tiếp tới địa chỉ e-mail của lãnh đạo, cán bộ làm công tác tuyển sinh của các trường đã đăng kí với Bộ GDĐT;

c) Tổ chức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào các ngành học của trường theo quy định tại mục III của Hướng dẫn này;

d) Đề án tuyển sinh của trường phải cung cấp đầy đủ, rõ ràng các thông tin tuyển sinh theo quy định, trong đó lưu ý:

- Tránh việc để thí sinh nhầm lẫn giữa quy định xét tuyển thẳng theo quy định tại Điều 7 của Quy chế với phương án tuyển sinh riêng của trường; giữa tên các trường; tuyển sinh đối tượng trong và ngoài tỉnh; tuyển sinh vào phân hiệu của trường với trường; chương trình đào tạo chuẩn và các chương trình đào tạo khác của nhà trường.

- Công bố công khai minh bạch điều kiện đảm bảo chất lượng trong việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, các điều kiện sơ tuyển, điều kiện xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng, chính sách ưu tiên của trường gắn với yêu cầu của ngành đào tạo, hướng tới mục đích lựa chọn thí sinh có học lực tốt, tâm huyết với ngành nghề để nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo khả năng có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

- Đối với các quy định mới có ảnh hưởng đến quá trình chuẩn bị đăng ký xét tuyển của thí sinh, trường cần sớm công bố và có lộ trình triển khai thực hiện phù hợp, tạo điều kiện cho thí sinh có đủ thời gian chuẩn bị, đáp ứng yêu cầu của trường, các trường tuyển sinh bằng phương thức thi tuyển các môn văn hóa, các môn thi năng khiếu và các môn thi đánh giá năng lực và các hình thức khác  phải thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Quy chế tuyển sinh;

- Đề án tuyển sinh của trường phải xây dựng và công khai trên trang thông tin điện tử của trường trước 15 ngày tính đến ngày thí sinh bắt đầu đăng ký xét tuyển. Các trường phải đảm bảo tuyệt đối chính xác, thống nhất của các thông tin tuyển sinh khai báo trong trang Nghiệp vụ với các thông tin trong Đề án (như mã trường, mã ngành/nhóm ngành, mã tổ hợp xét tuyển và chỉ tiêu xét tuyển, tiêu chí phụ,...). Việc để sai sót trong khâu này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của thí sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tuyển sinh của hệ thống. Trường chịu trách nhiệm giải trình về các nội dung của Đề án với Bộ GDĐT, cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan theo quy định và theo yêu cầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về điều kiện tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng, tính đầy đủ, chính xác của các nội dung trong đề án; Đề án phải gửi về Bộ GDĐT ngay sau khi đăng trên trang thông tin điện tử của trường.

đ) Trong đợt 1, các trường có thủ tục sơ tuyển; các trường tổ chức thi đánh giá năng lực hoặc có môn thi năng khiếu kết hợp với sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 của Quy chế tuyển sinh phải hoàn thành việc cập nhật kết quả vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước ngày 30 tháng 8 năm 2020 và thực hiện quy trình xét tuyển quy định tại khoản 6 Điều 10 của Quy chế tuyển sinh; khi xét tuyển đợt tiếp theo (nếu có) phải hoàn thành việc cập nhật kết quả vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT trước khi xét tuyển. Các thông tin cập nhật gồm:

-  Danh sách các thí sinh đã đạt yêu cầu sơ tuyển;

-  Danh sách các thí sinh đã đạt yêu cầu đánh giá năng lực hoặc đạt yêu cầu môn năng khiếu.

e) Các trường sử dụng đồng thời nhiều phương thức tuyển sinh cho một ngành hoặc nhóm ngành (sau đây gọi chung là ngành) phải xác định và công bố công khai chỉ tiêu, mức điểm nhận ĐKXT cho từng phương thức tuyển sinh theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế tuyển sinh;

 g) Các trường công khai mức điểm nhận ĐKXT đối với các tổ hợp xét tuyển khác nhau sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT và các điều kiện khác không trái với Quy chế tuyển sinh;

Mức điểm tối thiểu của từng bài thi/môn thi của tổ hợp dùng để xét tuyển do các trường quy định nhưng không trái với Quy chế thi tốt nghiệp THPT và nêu rõ trong đề án tuyển sinh;

Các trường tuyển sinh nhóm ngành đào tạo giáo viên, CĐGDMN; nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề phải công khai mức điểm nhận ĐKXT đối với các tổ hợp xét tuyển khác nhau sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT phù hợp với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GDĐT quy định và các điều kiện khác không trái với Quy chế tuyển sinh;

h) Trong thời gian thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT các trường không cập nhật, không công bố thông tin thí sinh ĐKXT vào trường;

i) Các trường phải bố trí bộ phận thường trực gồm các cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm trong công tác tuyển sinh, nắm vững quy chế để giải đáp các thắc mắc liên quan đến công tác xét tuyển của trường và chế độ ưu tiên trong tuyển sinh;

k) Tạo điều kiện hỗ trợ thí sinh được sử dụng các phòng máy tính nối mạng internet của trường để thực hiện việc điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phương thức trực tuyến (nếu thí sinh có nhu cầu).

**II. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh**

**1. Các văn bản quy định về chế độ ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm b khoản 4 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh:** Quy định tại Phụ lục 11.

**2. Ưu tiên khu vực đối với thí sinh học tại các trường THPT và tương đương có sự thay đổi chế độ ưu tiên**

Đối với các trường THPT do thay đổi địa giới hành chính, chuyển địa điểm hoặc thay đổi cấp hành chính, chính sách dẫn đến thay đổi mức ưu tiên khu vực thì mỗi giai đoạn hưởng mức ưu tiên khác nhau, trường sẽ được gán một mã trường khác nhau cùng với một mức ưu tiên khu vực phù hợp. Thí sinh căn cứ thời gian học tập tại trường THPT chọn và điền đúng mã trường theo các giai đoạn để được hưởng đúng mức ưu tiên theo khu vực (Ví dụ: Trường THPT Nguyễn Đình Liễn từ năm 2013 về trước đóng trên địa bàn Xã Cẩm Huy, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV2-NT, từ năm 2014 Trường chuyển đến địa bàn Xã Cẩm Dương, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh thuộc KV1. Vậy Trường này sẽ được gán 2 mã khác nhau: Mã 068 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2013 về trước; Mã 053 - gán cho Trường trong thời gian từ năm 2014 đến nay. Nếu thí sinh học tại Trường này từ năm 2013 đến năm 2015, lớp 10 sẽ khai mã trường là 068, lớp 11 và lớp 12 khai mã trường là 053).

**3. Hồ sơ để được hưởng ưu tiên theo đối tượng**

- Bản photocopy Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên;

- Đối với thí sinh là người dân tộc thiểu số, giấy chứng nhận để hưởng đối tượng ưu tiên 01 là Bản photocopy giấy khai sinh trên đó ghi rõ dân tộc thuộc dân tộc thiểu số và hộ khẩu thường trú hoặc giấy tờ hợp pháp minh chứng thí sinh có hộ khẩu thường trú trên 18 tháng (tính đến ngày thi đầu tiên của Kỳ thi tốt nghiệp THPT) tại Khu vực 1 trong thời gian học THPT.

-  Đối với thí sinh thuộc đối tượng người có công với cách mạng hoặc con của người có công với cách mạng: Giấy chứng nhận để hưởng ưu tiên là Bản photocopy Quyết định trợ cấp, phụ cấp đối với người có công của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Thí sinh xuất trình bản chính của các giấy tờ nói trên để các trường đối chiếu khi làm thủ tục nhập học.

**4. Xác định mức điểm ưu tiên:**

- Mức điểm ưu tiên xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh được tính theo thang điểm 10 trên tổng điểm tối đa của 3 bài thi/môn thi trong tổ hợp xét tuyển là 30. Nếu trường xét tuyển với thang điểm khác với thang điểm này (ví dụ trường nhân hệ số môn chính trong tổ hợp xét tuyển) thì phải qui đổi mức điểm ưu tiên tương ứng với thang điểm mới và công bố trong Đề án tuyển sinh trước khi thí sinh đăng ký dự thi.

- Các quy định “điểm xét tốt nghiệp” trong quy chế được hiểu là một điều kiện (ngưỡng đảm bảo chất lượng) để thí sinh đăng kí tuyển sinh vào các trường đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên và nhóm ngành sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề, trường không được sử dụng để làm căn cứ xét tuyển trực tiếp (Quy chế thi tốt nghiệp THPT quy định “điểm xét tốt nghiệp” đã bao gồm cả điểm ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng, mức ưu tiên không giống với mức ưu tiên trong Quy chế tuyển sinh. Để tránh việc thí sinh cộng điểm ưu tiên 2 lần, nếu trường sử dụng “điểm xét tốt nghiệp” để xét tuyển, thì phải trừ đi điểm ưu tiên đã được cộng vào trong “điểm xét tốt nghiệp” sau đó mới cộng thêm ưu tiên theo quy định của Quy chế tuyển sinh để xét tuyển.)

**III. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển**

**1. Các ngành xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển**

 a) Đối với thí sinh đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:

- Danh mục các ngành đúng hoặc ngành gần với môn thi học sinh giỏi (HSG) quốc gia được xác định tại Phụ lục 6. Các trường có thể bổ sung thêm các ngành đúng và ngành gần đối với từng môn thi HSG quốc gia phù hợp với yêu cầu đầu vào các ngành đào tạo của trường, nhưng phải công bố trong Đề án tuyển sinh;

- Nếu không tiếp tục xét tuyển thẳng vào một số ngành đúng hoặc ngành gần với môn thi HSG quốc gia, các trường phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của trường và phương tiện thông tin đại chúng khác ít nhất 3 năm trước khi áp dụng.

  b) Đối với thí sinh đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia

  Căn cứ vào kết quả dự án, đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật của thí sinh đoạt giải và danh mục các ngành đúng, ngành gần quy định tại Phụ lục 6,   các trường ĐH, CĐGDMN xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đoạt giải.

  c) Đối với thí sinh đạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế:

Căn cứ Đề án tuyển sinh đã công bố về chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo các trường xét tuyển đối với thí sinh đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp THPT hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật.

 d) Các trường công bố công khai chỉ tiêu, tiêu chí, phạm vi ngành nghề, chương trình định hướng đào tạo để xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển trong Đề án tuyển sinh của trường.

**2. Tổ chức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển**

a)  Nguyên tắc: Tuyển vào ngành đúng trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần;

b) Tiêu chí, quy trình xét và xếp ngành học xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của trường phải được công bố trong Đề án tuyển sinh; thực hiện theo lịch tuyển sinh được quy định tại Phụ lục 1;

c) Thí sinh phải tìm hiểu kỹ thông tin về điều kiện, hồ sơ và nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định chung của Bộ GDĐT; theo hướng dẫn chi tiết của từng trường và nộp hồ sơ về Sở GDĐT trong thời gian quy định.

**3.  Đăng ký xét tuyển thẳng**

a) Thí sinh phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng tại sở GDĐT trước ngày 20/7/2020:

- Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, **b, c, d, đ, e, l khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh gồm:**

**+  Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng Phụ lục 3;**

**+ Ít nhất một trong các bản photocopy sau: Chứng nhận là thành viên được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GDĐT); Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật; Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;**

**+ Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.**

**- Hồ sơ của thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh gồm:**

**+  Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng Phụ lục 4;**

**+  Bản photocopy học bạ 3 năm học THPT;**

**+  Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;**

**+ Bản photocopy hộ khẩu thường trú.**

b) Sau khi có thông báo trúng tuyển của trường, thí sinh phải nộp bản chính giấy chứng nhận đoạt giải để xác nhận nhập học trong thời gian quy định (thời gian tính theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh).

**4.  Đăng ký ưu tiên xét tuyển**

Thí sinh thuộc diện quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh nếu không sử dụng quyền xét tuyển thẳng thì phải ĐKDT theo quy định và phải nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển tại sở GDĐT trước ngày 20/7/2020. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

**a)  Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển Phụ lục 5;**

**b) Ít nhất một trong các bản photocopy sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật, Giấy chứng nhận đoạt giải kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề** quốc tế.

**5. Trách nhiệm của các sở GDĐT**

a) Hướng dẫn các trường THPT có thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển khai phiếu theo quy định;

b) Trước ngày 01/8/2020, gửi hồ sơ xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển kèm theo danh sách Phụ lục 7, Phụ lục 8, Phụ lục 9, Phụ lục 10 cho các trường có thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển.

**6. Trách nhiệm của các trường**

a) Căn cứ quy định của Quy chế tuyển sinh, danh mục ngành đào tạo được xét tuyển thẳng theo quy định tại Phụ lục 6 của Hướng dẫn này, các trường quy định cụ thể ngành thí sinh được xét tuyển thẳng tương ứng với loại giải và môn thi của thí sinh đoạt giải; quy định cụ thể về ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng; quy trình xét xếp ngành học xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của trường, công bố công khai trong đề án tuyển sinh trước ngày thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT;

b) Trước 17 giờ 00 ngày 20/8/2020 các trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của  Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh;

c) Tổ chức xét tuyển cho những thí sinh thuộc diện ưu tiên xét tuyển đã đăng ký vào trường theo lịch tuyển sinh;

d) Báo cáo kết quả xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển về Bộ GDĐT (Vụ Giáo dục Đại học) trước ngày 10/9/2020.

đ) Nhập danh sách thí sinh nhập học theo đúng cấu trúc của tất cả các phương thức xét tuyển, hình thức đào tạo lên Hệ thống và gửi báo cáo về Bộ GDĐT (Vụ Giáo dục Đại học) trước ngày 28/02/2021

Bộ GDĐT yêu cầu các trường, các sở GDĐT quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung hướng dẫn trên đây.

Bộ GDĐT sẽ tổ chức kiểm tra các trường có dấu hiệu vi phạm Quy chế tuyển sinh, vi phạm trong thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh và xử lý theo các quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo kịp thời về Bộ GDĐT (Vụ Giáo dục Đại học) theo điện thoại số: 024.32293009, 024.38692392; địa chỉ Email: nmhung@moet.gov.vn để được hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Bộ trưởng (để b/c);  - Các Thứ trưởng (để phối hợp);  - UBVHGD TNTNNĐ của QH (để b/c);  - VP Chính phủ (để b/c);  - Ban Tuyên giáo TW (để b/c);  - Các bộ, ngành (để phối hợp);  - UBND các tỉnh, thành phố (để phối hợp);  - Các Cục, Vụ, Viện, TTr. (để thực hiện);  - Cổng TTĐT của Bộ GDĐT;  - Lưu : VP, Vụ GDĐH. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**          **Nguyễn Văn Phúc** |

**Phụ lục 1**

**LỊCH TUYỂN SINH ĐẠI HỌC; TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2020**

*(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công tác** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị tham gia** | **Thời gian thực hiện** |
| 1. | Ban hành Quy chế tuyển sinh | Bộ GDĐT | Sở GDĐT, trường | Trước ngày 15/5 |
| 2. | Các trường nhận tài khoản để báo cáo đề án tuyển sinh tuyển sinh của trường | Trường | Vụ GDĐH Cục CNTT | Trước ngày 25/5 |
| 3. | Tập huấn Quy chế tuyển sinh | Vụ GDĐH | Cục QLCL, Lãnh đạo và cán bộ tuyển sinh các trường | Dự kiến Trước ngày 30/5 |
| 4. | Các trường gửi Đề án tuyển sinh của trường về Bộ ngay sau khi trường công bố Đề án trên cổng thông tin điện tử của trường | Trường | Vụ GDĐH Cục CNTT | Trước ngày 31/5 |
| 5. | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi của thí sinh; nhập thông tin ĐKDT, ĐKXT đợt 1 của thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT | Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ | Các đối tượng dự thi THPT | Dự kiến theo lịch đăng kí dự thi kì thi tốt nghiệp THPT khoảng từ 15/6 đến 30/6 |
| 6. | Các trường tải dữ liệu thí sinh ĐKXT từ Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT để tham khảo | Trường | Vụ GDĐH Cục CNTT | Từ 15/7 đến 25/7 |
| 7. | Thí sinh gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển về sở GDĐT | Thí sinh | Sở GDĐT | Trước ngày 20/7 |
| 8. | Sở GDĐT gửi Hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đến các trường | Sở GDĐT | Trường | Trước ngày 1/8 |
| 9. | Các trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định, cập nhật danh sách trúng tuyển vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh | Trường | Thí sinh Sở GDĐT | Trước 17 giờ 00 ngày 20/8 |
| 10. | Thí sinh trúng tuyển thẳng gửi Hồ sơ và xác nhận nhập học tại các trường | Thí sinh | Trường | Trước ngày 5/9 |
| 11. | Các trường báo cáo kết quả xét tuyển thẳng | Trường | Vụ GDĐH | Trước 17 giờ 00 ngày 10/9 |
| 12. | Các trường cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT kết quả sơ tuyển, kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt, kết quả thi các môn năng khiếu (nếu có) | Trường  ĐH, cĐ | Vụ GDĐH Cục CNTT | Trước ngày 30/8, đối với xét tuyển đợt 1 và trước các đợt xét tuyển bổ sung do trường quy định |
| 13. | Bộ GDĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào khối ngành đào tạo giáo viên, khối ngành sức khỏe | Vụ GDĐH | Cục QLCL, Vụ GDTH, Vụ GDTX, Thanh tra, Vụ Pháp chế, Cục Nhà giáo và QLCBGD, Các trường | Dự kiến trước ngày 7/9 |
| 14. | Các trường điều chỉnh, công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và trang thông tin điện tử của trường | Trường | Vụ GDĐH | Dự kiến trước ngày 8/9 |
| 15. | Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT theo phương thức trực tuyến | Thí sinh,  Điểm thu nhận hồ sơ | Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GDĐT | Dự kiến từ 9/9 đến 17 giờ 00 ngày 16/9 |
| 16. | Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng Phiếu ĐKXT | Thí sinh,  Điểm thu nhận hồ sơ | Vụ GDĐH Cục CNTT Sở GD ĐT | Dự kiến từ 9/9 đến 17 giờ 00 ngày 18/9 |
| 17. | Thí sinh kiểm tra kết quả điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT và đề nghị điều chỉnh sai sót nếu có (chỉ áp dụng đối với thí sinh điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phiếu) | Thí sinh | Điểm thu nhận hồ sơ | Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 20/9 |
| 18. | Điểm thu nhận hồ sơ hoàn thành việc cập nhật thông tin về điều chỉ nh nguyện vọng ĐKXT của tất cả thí sinh vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT | Sở GDĐT, Điểm thu nhận hồ sơ | Thí sinh | Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 21/9 |
| 19. | Thực hiện quy trình xét tuyển đợt 1 theo Quy chế tuyển sinh | Trường | Vụ GDĐH, Cục CNTT, Cục QLCL, Vụ GDTH, Vụ GDTX | Dự kiến từ 24/9 đến 17 giờ 00 ngày 26/9 |
| 20. | Các trường công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 | Trường | Vụ GDĐH | Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 27/9 |
| 21. | Thí sinh xác nhận nhập học đợt 1 | Thí sinh Trường | Vụ GDĐH | Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 3/10 (tính theo dấu bưu điện) |
| 22. | Các trường cập nhật thông tin thí sinh xác nhận nhập học vào cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT | Trường | Vụ GDĐH Cục CNTT | Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 7/10 |
| 23. | Các trường xét tuyển bổ sung (các trường chủ động công bố lịch tuyển sinh bổ sung trước 15 ngày so với ngày xét tuyển) | Trường | Vụ GDĐH Cục CNTT Cục QLCL  Vụ GDTH | Dự kiến từ ngày 8/10 |
| 24. | Các trường xét tuyển các đợt tiếp theo và cập nhật danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học theo quy định | Trường | Vụ GDĐH  Cục CNTT  Cục QLCL | Từ tháng 8 đến 12/2020 |
| 25. | Các trường báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2020 | Trường | Vụ GDĐH | Trước ngày 28/2/2021 |

**Phụ lục 2.**

**PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN***(gồm 2 mẫu phiếu)*

*(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **SỞ GDĐT**..........................   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **MÃ SỞ:** |  |  | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHIẾU SỐ 1  (Nơi tiếp nhận lưu) | **PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG** | SỐ PHIẾU: |

**ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh***(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |
| --- | --- |
| ................................................................... Giới *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* | ‘ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh** | **‘** | **‘** |  | **‘** | **‘** |  | **‘** | **‘** |

*(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)          ngày      tháng    năm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3. Số CMND/Căn cước CD**(hồ sơ đăng ký dự thi) | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **4. Số báo danh**(trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT) | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ |

**5. Số điện thoại**(hồ sơ đăng ký dự thi)........

**6. Địa chỉ Email:.....................................**

**B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **7. Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên:** |  | ***Khu vực ưu tiên tuyển*** |  | ***Đối tượng ưu tiên tuyển sinh*** |  |  |

|  |
| --- |
|  |

**8. Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh *(****Thí sinh****phải****ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột 5))*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự NV ưu tiên (1) | Mã trường (chữ in hoa)  (2) | Mã ngành/Nhóm ngành (3) | Tên ngành /Nhóm ngành (4) | Mã tổ hợp môn xét tuyển (5) | Nội dung thay đổi  (6) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổng số nguyện vọng**: |  |

*....., ngày ... tháng.... năm 201..*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

*(ký, ghi rõ họ tên)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **SỞ GDĐT**..........................   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **MÃ SỞ:** |  |  | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHIẾU SỐ 2  (Thí sinh lưu) | **PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG** | SỐ PHIẾU: |

**ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh***(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |
| --- | --- |
| ................................................................... Giới *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* | ‘ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh** | **‘** | **‘** |  | **‘** | **‘** |  | **‘** | **‘** |

*(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)          ngày      tháng    năm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3. Số CMND/Căn cước CD**(hồ sơ đăng ký dự thi) | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **4. Số báo danh**(trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT) | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ | ‘ |

**5. Số điện thoại**(hồ sơ đăng ký dự thi)........

**6. Địa chỉ Email:.....................................**

**B. THÔNG TIN DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **7. Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên:** |  | ***Khu vực ưu tiên tuyển*** |  | ***Đối tượng ưu tiên tuyển sinh*** |  |  |

**8. Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh *(****Thí sinh****phải****ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng từ cột (1) đến cột 5))*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự NV ưu tiên (1) | Mã trường (chữ in hoa)  (2) | Mã ngành/Nhóm ngành (3) | Tên ngành /Nhóm ngành (4) | Mã tổ hợp môn xét tuyển (5) | Nội dung thay đổi  (6) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổng số nguyện vọng**: |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NƠI NHẬN PHIẾU**  *(Đại diện ký, ghi rõ họ tên)* | *....., ngày ... tháng.... năm 201..*  **NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  *(ký, ghi rõ họ tên)* |

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN VÀO PHIẾU ĐIỀU CHỈNH NGUYỆN VỌNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN**

1. Thông tin điều chỉnh ĐKXT được khai trên 02 phiếu (Phiếu số 1 Nơi tiếp nhận lưu, Phiếu số 2 Thí sinh lưu).

2. Phần **THÔNG TIN CÁ NHÂN**: Cần ghi chính xác và thống nhất với thông tin trong Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển vào đại học; cao đẳng.

3. Mục "Đề nghị điều chỉnh chế độ ưu tiên": Nếu thí sinh có sửa “Khu vực ưu tiên tuyển sinh“ hoặc “Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" thì đánh dấu X vào ô tương ứng *(trong mục "Khu vực ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các mã KV1, KV2-NT, KV2 hoặc KV3 tương ứng với khu vực ưu tiên của thí sinh được hưởng; trong mục "Đối tượng ưu tiên tuyển sinh" điền một trong các ký hiệu từ 01 đến 07 tương ứng với đối tượng ưu tiên của thí sinh được hưởng. Nếu không thuộc đối tượng ưu tiên thì để trống).*

4. Bảng "**Nội dung các nguyện vọng (NV) đăng ký xét tuyển sau điều chỉnh**":

Bước 1: Thí sinh ghi đầy đủ thông tin về NV đăng ký xét tuyển sau khi đã điều chỉnh vào bảng mới từ cột (1) đến cột (5);

Bước 2: So sánh bảng mới với bảng cũ (đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi) để ghi "Nội dung thay đổi" vào cột (6) như sau:

- Nếu không thay đổi thứ tự NV ưu tiên và các nội dung đã đăng ký thì thí sinh ghi số **0**tại cột (6) cùng hàng;

- Nếu chỉ thay đổi thứ tự NV ưu tiên và giữ nguyên các nội dung khác đã đăng ký thì thí sinh ghi số thứ tự NV ưu tiên cũ tại cột (6) cùng hàng;

- Những thay đổi khác thì ghi **TĐ**tại cột 6 cùng hàng.

**Ví dụ:**

Bảng danh sách nguyện vọng cũ đã đăng ký khi làm thủ tục dự thi **(bảng cũ)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự NV ưu tiên | Mã trường (chữ in hoa) | Mã ngành/  Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành | Mã tổ hợp môn xét tuyển |
| 1 | BVH | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 |
| 2 | QHI | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 |
| 3 | BKA | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 |
| 4 | VHD | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 |

Bảng nội dung điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển (bảng mới)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ tự NV ưu tiên (1) | Mã trường (chữ in hoa) (2) | Mã ngành/ Nhóm ngành (3) | Tên ngành/Nhóm ngành (4) | Mã tổ hợp môn xét tuyển (5) | Nội dung thay đổi (6) |
| 1 | QHI | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 | **2** |
| 2 | BKA | 7510201 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | A01 | **TĐ** |
| 3 | KHA | 7340101 | Quản trị kinh doanh | D01 | **TĐ** |
| 4 | VHD | 7480201 | Công nghệ thông tin | A00 | **0** |
|  |  |  |  |  |  |

**Trong ví dụ trên**:

- Nguyện vọng 1 của bảng mới trùng với nguyện vọng 2 của bảng cũ: Điền số 2 *(số thứ tự NV ưu tiên cũ)* vào cột 6, hàng 1;

- Nguyện vọng 2 của bảng mới thay đổi so với bảng cũ: Điền **TĐ**vào cột 6, hàng 2;

- Nguyện vọng 4 của bảng mới không thay đổi so với bảng cũ: Điền số **0** vào cột 6, hàng 4.

**Phụ lục 3**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020**  
*(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020** *(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)* | Ảnh 4x6 |

**1. Họ và tên thí sinh***(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |
| --- | --- |
| ................................................................... *(nữ ghi 1, nam ghi 0)*          **Giới** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh** |  | | | | | | | |
| *(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***ngày*** | |  | ***tháng*** | |  | ***năm*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi) | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |

**4. Điện thoại**(hồ sơ đăng ký dự thi.................... **Email:** ...................

**5. Nơi sinh**(tỉnh, thành phố):............................................................................................

**6. Năm tốt nghiệp THPT...............................................**

**7. Năm đoạt giải:......................................**

**8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
| ***Môn đoạt giải*** |  | ***Loại giải, loại huy chương*** |

**9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 2020 môn:...............................**

**10. Đăng ký xét tuyên thăng vào trường/ngành học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Mã trường (chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |

**11. Địa chỉ báo tin:...............................................................................................**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường............................. đã khai đúng sự thật.  *Ngày ... tháng ... năm 2020*  **Hiệu trưởng**  *(Ký tên, đóng dấu)* | *Ngày         tháng... năm 2020*  **Chữ ký của thí sinh** |

**Phụ lục 4**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020**

*(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020** *(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)* | Ảnh 4x6 |

**1. Họ và tên thí sinh***(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |
| --- | --- |
| ................................................................... *(nữ ghi 1, nam ghi 0)*          **Giới** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh** |  | | | | | | | |
| *(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***ngày*** | |  | ***tháng*** | |  | ***năm*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi) | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |

**4. Điện thoại**(hồ sơ đăng ký dự thi.................... **Email:** ...................

**5. Hộ khẩu thường trú***(Ghi rõ xã, huyện, tỉnh)..................................................................*

*...............................................................................................................*

**6. Dân tộc:.................................................................**

**7. Nơi học THPT hoặc tương đương:**

**- Năm lớp 10:..................................................................................................................**

**- Năm lớp 11:.......................................................................................................**

**- Năm lớp 12:..................................................................................................................**

**8. Năm tốt nghiệp THPT:.............................**

**9. Học lực:**Năm lớp 10: ......... ; Năm lớp 11:................ ;   Năm lớp 12: ............. ;

**10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Mã trường (chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |

**11. Địa chỉ báo tin:...................................................................................................**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường.......................... đã khai đúng sự thật.  *Ngày ... tháng ... năm 2020*  **Hiệu trưởng**  *(Ký tên, đóng dấu)* | *Ngày         tháng... năm 2020*  **Chữ ký của thí sinh** |

**Phụ lục 5**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020**

*(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020** | Ảnh 4x6 |

**1. Họ và tên thí sinh***(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |
| --- | --- |
| ................................................................... *(nữ ghi 1, nam ghi 0)*          **Giới** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh** |  | | | | | | | |
| *(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)* |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***ngày*** | |  | ***tháng*** | |  | ***năm*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi) | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |  | ‘ | ‘ | ‘ |

**4. Điện thoại**(hồ sơ đăng ký dự thi.................... **Email:** ...................

**5. Nơi sinh** (ghi tỉnh, thành phố). ........................................................

**6. Môn đoạt giải:................................ Loại giải, huy chương:..........................................**

**7. Năm đoạt giải................................**

**8. Năm tốt nghiệp THPT...................................**

**9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển**(như hồ sơ đăng ký dự thi):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Mã trường (chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| ... |  |  |  |

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường.......................... đã khai đúng sự thật.  *Ngày ... tháng ... năm 2020*  **Hiệu trưởng**  *(Ký tên, đóng dấu)* | *Ngày         tháng... năm 2020*  **Chữ ký của thí sinh** |

**Phụ lục 6**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC** **THÍ SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI**  
*(Kèm theo Công văn số:* *1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số** **TT** | **Tên môn thi học sinh giỏi** | **Tên ngành đào tạo** | **Mã ngành** |
| 1 | Toán | Sư phạm Toán học (\*) | 7140209 |
| Toán học (\*) | 7460101 |
| Toán ứng dụng (\*) | 7460112 |
| Toán cơ (\*) | 7460115 |
| Thống kê | 7460201 |
| 2 | Vật lí | Sư phạm Vật lí (\*) | 7140211 |
| Vật lí học (\*) | 7440102 |
| Thiên văn học | 7440101 |
| Vật lí kỹ thuật (\*) | 7520401 |
| Vật lý nguyên tử và hạt nhân (\*) | 7440106 |
| 3 | Hóa học | Sư phạm Hóa học (\*) | 7140212 |
| Hóa học (\*) | 7440112 |
| Công nghệ kỹ thuật Hóa học (\*) | 7510401 |
| Công nghệ thực phẩm | 7540101 |
| Kỹ thuật Hóa học (\*) | 7520301 |
| Dược học | 7720201 |
| Khoa học môi trường | 7440301 |
| 4 | Sinh học | Sư phạm Sinh học (\*) | 7140213 |
| Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp | 7140215 |
| Sinh học (\*) | 7420101 |
| Công nghệ sinh học (\*) | 7420201 |
| Kỹ thuật sinh học (\*) | 7420202 |
| Sinh học ứng dụng (\*) | 7420203 |
| Y khoa | 7720101 |
| Y học cổ truyền | 7720115 |
| Răng-Hàm-Mặt | 7720501 |
| Y học dự phòng | 7720110 |
| Điều dưỡng | 7720301 |
| Kỹ thuật xét nghiệm y học | 7720601 |
| Kỹ thuật hình ảnh y học | 7720602 |
| Kỹ thuật phục hồi chức năng | 7720603 |
| Y tế công cộng | 7720701 |
| Dinh dưỡng | 7720401 |
| Kỹ thuật phục hình răng | 7720502 |
| Khoa học môi trường | 7440301 |
| Khoa học cây trồng | 7620110 |
| Chăn nuôi | 7620105 |
| Lâm học | 7620201 |
| Lâm nghiệp đô thị | 7620202 |
| Lâm sinh | 7620205 |
| Quản lý tài nguyên rừng | 7620211 |
| Nuôi trồng thủy sản | 7620301 |
| 5 | Ngữ văn | Sư phạm Ngữ văn (\*) | 7140217 |
| Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam | 7220101 |
| Sáng tác văn học (\*) | 7220110 |
| Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam | 7220112 |
| Việt Nam học | 7310630 |
| Văn học (\*) | 7229030 |
| Văn hóa học | 7229040 |
| Báo chí (\*) | 7320101 |
| Ngôn ngữ học (\*) | 7229020 |
| Thông tin - thư viện | 7320201 |
| Quản lý thông tin | 7320205 |
| 6 | Lịch sử | Sư phạm Lịch sử (\*) | 7140218 |
| Lịch sử (\*) | 7229010 |
| Bảo tàng học | 7320305 |
| Nhân học | 7310302 |
| Lưu trữ học | 7320303 |
| 7 | Địa lí | Sư phạm Địa lí (\*) | 7140219 |
| Địa lí học (\*) | 7310501 |
| Bản đồ học | 7440212 |
| Địa chất học | 7440201 |
| Địa lý tự nhiên kỹ thuật (\*) | 7440217 |
| Thuỷ văn học | 7440224 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Hải dương học | 7440228 |
| 8 | Tin học | Sư phạm Tin học (\*) | 7140210 |
| Khoa học máy tính (\*) | 7480101 |
| Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (\*) | 7480102 |
| Kỹ thuật phần mềm (\*) | 7480103 |
| Hệ thống thông tin (\*) | 7480104 |
| Công nghệ thông tin (\*) | 7480201 |
| Công nghệ kỹ thuật máy tính (\*) | 7480108 |
| 9 | Tiếng Anh | Sư phạm Tiếng Anh (\*) | 7140231 |
| Ngôn ngữ Anh (\*) | 7220201 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Ngôn ngữ học | 7229020 |
| 10 | Tiếng Nga | Sư phạm Tiếng Nga (\*) | 7140232 |
| Ngôn ngữ Nga (\*) | 7220202 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Ngôn ngữ học | 7229020 |
| 11 | Tiếng Trung Quốc | Sư phạm tiếng Trung Quốc (\*) | 7140234 |
| Trung Quốc học (\*) | 7310612 |
| Ngôn ngữ Trung Quốc (\*) | 7220204 |
| Hán nôm | 7220104 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Ngôn ngữ học | 7229020 |
| 12 | Tiếng Pháp | Sư phạm Tiếng Pháp (\*) | 7140233 |
| Ngôn ngữ Pháp (\*) | 7220203 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Ngôn ngữ học | 7229020 |

Ghi chú:

- Những ngành có đánh dấu (\*) là ngành đúng;

- Các ngành còn lại là ngành gần.

**Phụ lục 7**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI QUỐC GIA, QUỐC TẾ ĐĂNG KÝ TUYỂN THẲNG ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM.........**

*(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH..........................................**  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc  lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *...., ngày*  *tháng*  *năm 2020* |

**Kính gửi: Trường............................................**

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ NĂM 2020 VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THẲNG ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số  TT | Họ và Tên | Số  CMND | Giới tính | Ngày sinh | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký xét tuyển thẳng | | Năm đoạt giải | Môn đoạt giải | Loại giải, huy chương | Tham dự kì thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic Quốc tế môn | Ghi chú |
| Ký hiệu trường | Mã ngành |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| 01 | Nguyễn Văn A |  | X |  | ....... | BKA | ....... |  | Toán học | HC vàng | Toán |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU**  (Ký, ghi rõ họ tên) | **GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  (Ký tên, đóng dấu) |

**Phụ lục 8**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THẲNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 20..**

*(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH..........................................**  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc  lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *...., ngày*  *tháng*  *năm 2020* |

**Kính gửi: Trường............................................**

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THẲNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và Tên | Số CMND | Giới tính | Ngày sinh | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký xét tuyển thẳng | | Năm đoạt giải | Lĩnh vực đoạt giải | Loại giải, huy chương | Tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật Quốc tế lĩnh vực | Ghi chú |
| Ký hiệu trường | Mã ngành |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| 01 | Nguyễn Văn X. |  | X |  | ....... | BKA | ...... |  | Khoa học môi trường | HC vàng | Toán |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU**  (Ký, ghi rõ họ tên) | **GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  (Ký tên, đóng dấu) |

**Phụ lục 9**

**MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020**

*(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH..........................................**  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc  lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *...., ngày*  *tháng*  *năm 2020* |

**Kính gửi: Trường............................................**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020 (30a)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số  TT | Họ và Tên | Số  CMND | Giới tính | Ngày sinh | Hộ khẩu thường trú | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký xét tuyển thẳng | | Mã tỉnh và mã trường nơi học THPT hoặc tương đương | | | Học lực | | | Ghi chú |
| Ký hiệu trường | Mã ngành | Lớp 10 | Lớp 11 | Lớp 12 | Lớp 10 | Lớp 11 | Lớp 12 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) | (16) |
| 01 | Trần Thị T. |  | X |  |  | ....... | XDA | ....... |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU**  (Ký, ghi rõ họ tên) | **GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  (Ký tên, đóng dấu) |

***Ghi chú:***

*- Danh sách này gửi về trường thí sinh đăng ký xét tuyển.*

*- Danh sách này lập đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ và 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam bộ.*

**Phụ lục 10  
MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC; CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020**  
*(Kèm theo Công văn số:1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH..........................................**  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc  lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *...., ngày*  *tháng*  *năm 2020* |

**Kính gửi: Trường............................................**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NGÀNH GDMN NĂM 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số  TT | Họ và Tên | Số CMND | Giới tính | Ngày sinh | Năm tốt nghiệp THPT | Đăng ký ưu tiên xét tuyển | | Năm đoạt giải | Môn đoạt giải | Loại giải, huy chương | Ghi chú |
| Ký hiệu trường | Mã ngành |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 01 | Nguyễn Văn X. | X |  |  | ......... | BKA | ......... |  | Toán | HC vàng |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU**  (Ký, ghi rõ họ tên) | **GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  (Ký tên, đóng dấu) |

**Phụ lục 11**

**CÁC VĂN BẢN VỀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN KHU VỰC**

*(Kèm theo Công văn số: 1778/BGDĐT-GDĐH ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

***1. Các văn bản của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc:***

- Quyết định 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013 về việc Công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015;

- Quyết định số 68/QĐ-UBDT ngày 19/3/2014 công nhận bổ sung thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012-2015 tỉnh Ninh Bình;

- Quyết định số 601/QĐ-UBDT ngày 29/10/2015 về việc thay thế nội dung các xã, thôn có tên tương ứng trong QĐ số 447/QĐ-UBDT ngày 19/9/2013;

- Quyết định 73/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 về việc điều chỉnh khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc miền núi thay thế nội dung các xã tương ứng trong quyết định 447/QĐ-UBDT;

- Quyết định số 74/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015

- Quyết định 75/QĐ-UBDT ngày 29/02/2016 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;

- Quyết định số 177/QĐ-UBDT ngày 19/04/2016 phê duyệt bổ sung danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016;

- Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 11/7/201 phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020.

***2. Các văn bản của Thủ tướng Chính phủ:***

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 quy định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;

- Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;

- Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/04/2014 của điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013;

- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 13/04/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 2311/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 2312/QĐ-TTg ngày 18/12/2015 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015;

- Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 quy định các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định 2475/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Bình Thuận;

- Quyết định số 810/QĐ-TTg ngày 13/5/2016 về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Trà Vinh;

- Quyết định số 1900/QĐ-TTg ngày 04/10/2016 công nhận xã đảo thuộc tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1859/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 công nhận xã đảo thuộc thành phố Hải Phòng;

- Quyết định 900/QĐ-TTg ngày 20/06/2017 Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020;

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 phê duyệt bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Hải Ninh, tỉnh Ninh Thuận vào sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận Xã An toàn khu tại tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định 596/QĐ-TTg ngày 28/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 phê duyệt bổ sung, điều chỉnh và đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 23/01/2019 về việc công nhận xã an toàn khu tại tỉnh Ninh Bình;

- Quyết định 235/QĐ-TTg ngày 27/02/2019 về việc công nhận Xã An toàn khu và Vùng An toàn khu ở tỉnh Sóc Trăng.

- Quyết định số 1464/QĐ-TTg ngày 24/08/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận xã đảo thuộc tỉnh Quảng Nam.

Quyết định 164/QĐ-TTg ngày 07/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Công nhận các xã An toàn khu tại tỉnh Quảng Nam.

Và các văn bản khác nhưng không trái với quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.